

địa phương, khi ốm đau được khám bệnh, chữa bệnh ở bệnh viện, bệnh xá của nông trường xí nghiệp ấy. Tiền chi về thuốc và bồi dưỡng đối với những trường hợp này do kinh phí sự nghiệp của bệnh viện, bệnh xá đài thọ.

4. Đối với những xã ở xa phòng y tế huyện, nếu có y sĩ phụ trách trạm y tế, thì các sở, ty y tế căn cứ vào tình hình cụ thể ở địa phương mình mà quy định quyền hạn và giao cho trạm nhiệm vụ khám bệnh, cấp thuốc thông thường cho các đối tượng nói trên ở trong xã, khi ốm đau (không ghi đơn cho bệnh nhân). Số thuốc thông thường mà trạm y tế hộ sinh xã đã cấp cho những bệnh nhân này, hàng tháng sẽ thanh toán với phòng y tế huyện. Phòng y tế huyện sẽ hướng dẫn mức chi tiêu cho trạm y tế hộ sinh các xã này.

5. Hàng năm, các ban thương binh - xã hội thành phố, tỉnh có nhiệm vụ thông báo cho các sở, ty y tế số người về hưu và thôi việc vì mất sức lao động hiện cư trú ở địa phương theo đơn vị khu phố, huyện, thị xã để sở, ty y tế có căn cứ lập dự trù kinh phí về thuốc và bồi dưỡng cho các đối tượng này. Các sở, ty tài chính căn cứ vào dự trù ấy để cấp kinh phí theo tiêu chuẩn hiện hành như đối với cán bộ, công nhân, viên chức tại chức ở địa phương đồng thời hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí.

6. Các khoản chi về thuốc, bồi dưỡng cho cán bộ, công nhân, viên chức, quân nhân về hưu và thôi việc vì mất sức lao động, do đơn vị nào cấp phát như đã quy định trên đây, sẽ chi vào kinh phí sự nghiệp của đơn vị ấy. Nếu là đơn vị do trung ương quản lý thì chi vào ngân sách trung ương, nếu đơn vị thuộc địa phương quản lý thì chi vào ngân sách địa phương.

Liên bộ Y tế — Tài chính — Nội vụ đề nghị các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh chỉ đạo các ngành có trách nhiệm ở địa phương thi hành tốt thông tư này.

Trong khi thực hiện có khó khăn gì, yêu cầu phản ánh kịp thời cho Liên bộ nghiên cứu giải quyết.

Những điều quy định trong công văn số 1084-BYT/CB1 ngày 13-5-1963 của Bộ Y tế

quy định việc khám và chữa bệnh cho cán bộ, công nhân, viên chức về hưu và mất sức lao động trái với thông tư liên bộ này đều bãi bỏ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Hà-nội, ngày 12 tháng 8 năm 1969

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế
Thủ trưởng

Bác sĩ NGUYỄN VĂN TÍN

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

ĐÀO THIÊN THÌ

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ
Thủ trưởng
LÊ TẤT ĐẮC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 2513-QĐ/PC ngày 16-9-1969 quy định tạm thời thời gian nghiệp vụ đi biển và tập sự để được dự thi và lấy bằng thuyền trưởng, máy trưởng các tàu đi biển.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ nghị định số 160-CP ngày 9-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục vận tải đường biển về thời gian nghiệp vụ đi biển và tập sự để được dự thi và lấy bằng thuyền trưởng, máy trưởng các tàu đi biển,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Trong khi chờ đợi ban hành chính thức quy chế đào tạo, sát hạch, cấp phát bằng cho thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển, nay tạm thời quy định thời gian nghiệp vụ đi biển để được thi thuyền trưởng, máy trưởng và thời gian tập sự để được xét cấp bằng chính thức thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển như sau :

	Thuyền trường			Máy trường			
	Ven biển	Biển gần	Biển xa	Loại 4	Loại 3	Loại 2	Loại 1
Thời gian nghiệp vụ	24 tháng	24 tháng	24 tháng	24 tháng	24 tháng	24 tháng	24 tháng
Thời gian tập sự	12 tháng	18 tháng	24 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	24 tháng

Chú thích : — Thời gian nghiệp vụ là thời gian làm công tác trực tiếp trên boong, dưới máy trên các tàu biển trước khi dự thi.

— Thời gian tập sự là thời gian công tác trên tàu biển kể từ khi trúng tuyển thuyền trường máy trường cho đến khi được xét cấp bằng chính thức.

Điều 2. — Các học sinh đã tốt nghiệp trường trung học hàng hải, đại học hàng hải và các lớp đào tạo có trình độ tương đương về khoa điều khiển tàu, hay máy tàu phải có đủ 24 tháng nghiệp vụ đi biển mới được dự thi. Thời gian thực tập trên các tàu trong khóa học được coi là thời gian nghiệp vụ và được tính gấp đôi.

Điều 3. — Các cán bộ làm công tác hoa tiêu phải có đủ 24 tháng nghiệp vụ đi biển mới được dự thi lấy bằng thuyền trưởng ven biển. Thời gian làm công tác hoa tiêu được tính bằng một nửa thời gian nghiệp vụ đi biển.

Điều 4. — Các thuyền viên làm công tác trên boong mà chưa qua một lớp đào tạo nào muốn thi lấy bằng thuyền trưởng ven biển thì ngoài điều kiện về thời gian nghiệp vụ đi biển như quy định trong điều 1 còn phải có ít nhất một năm làm thuyền phó tàu ven biển.

Điều 5. — Các học sinh đã tốt nghiệp trường trung học hàng hải hoặc những lớp đào tạo có trình độ tương đương về khoa điều khiển tàu phải có đủ thời gian nghiệp vụ đi biển như quy định trong điều 1 mới được thi lấy bằng thuyền trưởng ven biển. Nếu thi lấy bằng thuyền trưởng biển gần thì phải có một thời gian ít nhất là 1 năm đã làm thuyền trưởng tàu đi ven biển hay phó nhất tàu đi biển gần.

Điều 6. — Các học sinh đã tốt nghiệp trường đại học hàng hải hoặc những lớp đào tạo có trình độ tương đương về khoa điều khiển tàu phải có đủ thời gian nghiệp vụ đi biển như quy định trong điều 1 mới được thi lấy bằng

thuyền trưởng biển gần. Nếu thi lấy bằng thuyền trưởng biển xa thì phải có một thời gian ít nhất là 2 năm đã làm thuyền trưởng tàu đi biển gần hay phó nhất tàu đi biển xa.

Điều 7. — Tất cả các thuyền viên làm việc dưới máy chưa qua lớp đào tạo nào chỉ được thi máy trường loại 4 với điều kiện có thời gian nghiệp vụ về máy như quy định trong điều 1 và ít nhất phải có 1 năm làm máy 3.

Điều 8. — Các học sinh đã tốt nghiệp trường trung học hàng hải hoặc những lớp đào tạo có trình độ tương đương về khoa máy chỉ được thi máy trường loại 3 và loại 4. Thời gian nghiệp vụ về máy để thi lấy bằng máy trường loại 4 như quy định trong điều 1. Nếu thi lấy bằng máy trường loại 3 thì phải có thời gian ít nhất là 1 năm đã làm máy trường loại máy có tổng công suất dưới 300 cv hay máy nhất loại máy có tổng công suất từ 301 cv đến 1.000 cv.

Điều 9. — Các học sinh đã tốt nghiệp trường đại học hàng hải hay những lớp đào tạo có trình độ tương đương về khoa máy phải có đủ thời gian nghiệp vụ như quy định ở điều 1 mới được thi lấy bằng máy trường loại 2. Nếu thi lấy bằng máy trường loại 1 thì phải có một thời gian ít nhất là 2 năm đã làm máy trường loại máy có tổng công suất từ 1001 cv đến 3.000 cv hay máy nhất loại máy có tổng công suất 3001 cv trở lên.

Điều 10. — Những quy định trước đây về thời gian nghiệp vụ và tập sự để được dự thi

và lấy bằng thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển đều bãi bỏ.

Điều 11. — Các ông Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục vận tải đường biển, Vụ trưởng Vụ cán bộ, giáo dục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 16 tháng 9 năm 1969

K.T. Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải

Thứ trưởng

VŨ QUANG

BỘ Y TẾ

CHỈ THỊ số 21-BYT/CT ngày 8-8-1969 về việc bảo vệ sức khỏe trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ.

Mấy năm qua trong việc chăm sóc sức khỏe trẻ em nói chung, trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ nói riêng, ngành ta đã có nhiều cố gắng. Nhiều anh chị em cán bộ y tế ở xã, hợp tác xã, đường phố, ở các công, nông, lâm trường, xí nghiệp đã đi sát nhà trẻ, trại trẻ để theo dõi sức khỏe, hướng dẫn cách chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh phòng bệnh cho trẻ em đồng thời huấn luyện, bổ túc chuyên môn nghiệp vụ cho các cô nuôi trẻ, góp phần xây dựng nhiều nhà trẻ tốt.

Song, ở nhiều nơi, cán bộ y tế còn coi nhẹ hoặc chưa chú ý chăm lo bảo vệ sức khỏe trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ, chưa thường xuyên đến nhà trẻ, trại trẻ để hướng dẫn nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh phòng bệnh cho trẻ em.

Thông tư số 47-TTg/VG ngày 15-4-1968 của Phủ Thủ tướng quy định tạm thời về chế độ tổ chức nhà trẻ ở nông thôn, đã phân công cho ngành ta như sau : « Ngành y tế có trách nhiệm bảo vệ sức khỏe trẻ em, hướng dẫn nhà trẻ thực hiện vệ sinh phòng dịch, định kỳ kiểm tra sức khỏe các cháu và cô nuôi trẻ, chăm sóc các cháu ốm đau. Ngành y tế và ngành giáo dục có trách nhiệm bồi dưỡng đào tạo các cô nuôi trẻ về mặt nghiệp vụ nuôi dạy trẻ ».

Để thực hiện sự phân công theo tinh thần thông tư của Phủ Thủ tướng, nay Bộ xác định lại nhiệm vụ và hướng dẫn công tác cụ thể cho các cơ sở y tế trong toàn ngành như sau :

Nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe trẻ em nhất là trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ nằm trong nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung mà ngành ta có trách nhiệm phụ trách, đặc biệt đối với trẻ em là thế hệ tương lai của dân tộc, là những người sẽ kế tục sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Nhà trẻ, trại trẻ là những cơ sở phòng bệnh, là những trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ trẻ em theo phương pháp vệ sinh khoa học nhằm bồi dưỡng và trồng một thế hệ tương lai khỏe mạnh, thông minh, có nhiều tài năng và đức tính tốt ; ngành ta phải dành mọi sự cố gắng vào việc chăm sóc các cháu ở các nhà trẻ, trại trẻ, chủ động phòng bệnh cho các cháu không ốm đau để khỏi ảnh hưởng đến ngày giờ sản xuất của gia đình. Đó không những là nhiệm vụ, chức năng mà còn là sự thể hiện quan điểm phục vụ sản xuất của ngành ta.

Bởi vậy các cơ sở y tế trong toàn ngành, trước hết là các khoa nhi bệnh viện tỉnh, huyện các trạm bảo vệ bà mẹ trẻ em và trạm vệ sinh phòng dịch tỉnh, huyện, các trạm y tế xã và đường phố, các tổ y tế hợp tác xã, các phòng y tế công, nông, lâm trường, xí nghiệp... phải có kế hoạch phục vụ tốt trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ. Các trường trung học, sơ học y tế các trạm bảo vệ bà mẹ trẻ em và khoa nhi các bệnh viện tỉnh, huyện phải có kế hoạch đào tạo bổ túc chuyên môn, nghiệp vụ cho các cô nuôi trẻ.

Sau đây Bộ quy định nhiệm vụ cụ thể của y tế cơ sở xã, hợp tác xã, công, nông, lâm trường, xí nghiệp đối với trẻ em các nhà trẻ, trại trẻ như sau : Các trạm y tế xã và khu phố, các tổ y tế hợp tác xã, các phòng y tế công, nông, lâm trường, xí nghiệp trong chương trình, kế hoạch công tác của mình, phải có kế hoạch phục vụ trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ và phân công cán bộ thực hiện kế hoạch ấy. Kế hoạch phục vụ trẻ em ở các nhà trẻ, trại trẻ bao gồm các việc :